

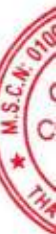


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY CP BIA
SÀI GÒN-SÔNG LAM**

Digitally signed by CÔNG TY CP BIA
SÀI GÒN-SÔNG LAM
DN: cn=CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN-
SÔNG LAM, c=VN
Date: 2026.03.12 10:15:42 +07'00'



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 27111000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

2703001077
2900783332
2900783332

ngày 20 tháng 12 năm 2006
ngày 5 tháng 9 năm 2023
ngày 20 tháng 10 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 20 tháng 10 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch
Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Cao Thanh Bích	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
Ông Võ Phước Giàu	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
Bà Lưu Thanh Thảo	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Hồng Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Quyền Phó Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2025)
Ông Trần Quang Trung	Phó Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2025)
Ông Văn Bá Thi	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Xóm Hưng Đạo 8, Xã Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành

Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 6 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00484-26-1



Triệu Tích Quyên

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		526.596.794.004	440.134.092.166
Tiền	110	5	42.294.730.920	50.433.344.833
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		312.593.753.425	259.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	312.593.753.425	259.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.809.154.690	45.403.538.455
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	82.448.633.790	42.436.283.535
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.955.250.245	352.803.776
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.405.270.655	2.614.451.144
Hàng tồn kho	140	9(a)	78.685.773.205	84.012.210.751
Hàng tồn kho	141		79.004.395.773	84.709.023.349
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(318.622.568)	(696.812.598)
Tài sản ngắn hạn khác	150		213.381.764	784.998.127
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		213.381.764	784.998.127
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		142.607.031.370	201.246.802.908
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		129.286.586.318	187.674.787.566
Tài sản cố định hữu hình	221	10	128.709.413.533	187.612.814.442
Nguyên giá	222		1.304.977.937.172	1.300.488.350.881
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.176.268.523.639)	(1.112.875.536.439)
Tài sản cố định vô hình	227	11	577.172.785	61.973.124
Nguyên giá	228		940.522.924	380.862.152
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(363.350.139)	(318.889.028)
Tài sản dở dang dài hạn	240		241.039.091	241.039.091
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	241.039.091	241.039.091
Tài sản dài hạn khác	260		13.049.405.961	13.300.976.251
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.549.312.585	6.059.357.056
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.422.488.253	2.346.262.609
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	6.077.605.123	4.895.356.586
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		669.203.825.374	641.380.895.074

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		155.583.284.811	133.146.238.020
Nợ ngắn hạn	310		155.411.634.441	132.974.238.020
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	26.588.561.839	21.186.921.920
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	111.957.556.382	97.167.571.524
Phải trả người lao động	314		2.332.491.840	2.261.149.994
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.481.714.420	5.589.389.521
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.063.371.940	2.746.205.061
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	4.987.938.020	4.023.000.000
Nợ dài hạn	330		171.650.370	172.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		171.650.370	172.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		513.620.540.563	508.234.657.054
Vốn chủ sở hữu	410	19	513.620.540.563	508.234.657.054
Vốn cổ phần	411	20	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.104.344.548	51.718.461.039
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.725.267.328	15.377.762.775
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		37.379.077.220	36.340.698.264
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		669.203.825.374	641.380.895.074

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:


 Trần Thị Nguyệt
 Kế toán tổng hợp


 Văn Bá Thi
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Hồng Anh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	24	890.455.279.688	935.030.033.556
Giá vốn hàng bán	11	25	838.326.916.322	878.826.373.969
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		52.128.363.366	56.203.659.587
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	15.144.079.145	11.780.142.818
Chi phí tài chính	22		36.004.931	990.326.026
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>36.004.931</i>	<i>990.326.026</i>
Chi phí bán hàng	25		281.937.860	1.263.270.614
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	14.132.373.029	14.991.709.389
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		52.822.126.691	50.738.496.376
Thu nhập khác	31		965.758.284	3.724.466
Chi phí khác	32		697.573.279	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		268.185.005	3.724.466
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.090.311.696	50.742.220.842
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	10.912.322.272	10.430.449.572
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(76.225.644)	(51.926.994)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		42.254.215.068	40.363.698.264
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	836	801

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Trần Thị Nguyệt
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	53.090.311.696	50.742.220.842
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	64.356.009.202	77.330.794.283
Các khoản dự phòng	03	301.278.597	281.004.586
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(15.144.079.145)	(11.780.142.818)
Chi phí lãi vay	06	36.004.931	990.326.026
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	102.639.525.281	117.564.202.919
Biến động các khoản phải thu	09	(47.530.213.524)	(3.942.139.031)
Biến động hàng tồn kho	10	3.842.560.782	(19.130.017.198)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	22.465.344.007	(8.358.240.164)
Biến động chi phí trả trước	12	2.081.660.834	(1.750.468.252)
		83.498.877.380	84.383.338.274
Tiền lãi vay đã trả	14	(36.004.931)	(1.018.690.410)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.748.199.435)	(9.744.424.088)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.021.619.224)	(3.236.032.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	70.693.053.790	70.384.191.149
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(12.880.957.472)	(2.638.723.412)
Tiền chi gửi tiền gửi tại ngân hàng	23	(186.000.000.000)	(565.300.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi tại ngân hàng	24	139.500.000.000	555.517.653.857
Tiền thu lãi tiền gửi	27	11.109.689.769	13.226.311.255
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.271.267.703)	805.241.700

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vay ngắn hạn	33	30.400.000.000	314.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.400.000.000)	(331.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(30.560.400.000)	(32.331.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.560.400.000)	(49.331.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(8.138.613.913)	21.857.832.849
Tiền đầu năm	60	50.433.344.833	28.575.511.984
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	42.294.730.920	50.433.344.833

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:


Trần Thị Nguyệt
Kế toán tổng hợp


Văn Bá Thi
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 421/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 174 nhân viên (1/1/2025: 176 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Giấy phép môi trường

Giấy phép môi trường thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của giấy phép môi trường bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được giấy phép môi trường. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	470.439.007	509.235.007
Tiền gửi ngân hàng	41.824.291.913	49.924.109.826
	<hr/>	<hr/>
	42.294.730.920	50.433.344.833

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi từ 4,7% đến 5,2% một năm (1/1/2025: từ 4,7% đến 5,2% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	81.370.827.828	41.496.087.134
Các khách hàng khác	1.077.805.962	940.196.401
	<hr/>	<hr/>
	82.448.633.790	42.436.283.535

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	81.370.827.828	41.496.087.134
<i>Công ty liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	110.036.334	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay phải thu	6.441.450.061	2.407.060.685
Bồi thường bảo hiểm	795.741.907	-
Ký quỹ	15.000.000	15.000.000
Khác	153.078.687	192.390.459
	7.405.270.655	2.614.451.144

9. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	14.291.205.003	-	8.015.624.857	-
Nguyên vật liệu	29.287.099.149	-	34.876.013.780	-
Công cụ và dụng cụ	949.356.514	(318.622.568)	884.151.523	(696.812.598)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.310.077.804	-	24.451.361.783	-
Thành phẩm	18.166.657.303	-	16.481.871.406	-
	79.004.395.773	(318.622.568)	84.709.023.349	(696.812.598)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	696.812.598	471.126.431
Dự phòng trích lập trong năm	113.435.579	225.686.167
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	(491.625.609)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	318.622.568	696.812.598

(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	17.619.923.848	(11.542.318.725)	15.757.857.054	(10.862.500.468)
	<hr/>		<hr/>	

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	10.862.500.468	10.828.551.649
Dự phòng trích lập trong năm	188.192.648	33.948.819
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	491.625.609	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.542.318.725	10.862.500.468

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	223.437.662.362	1.054.507.209.272	8.370.541.526	12.470.885.214	1.702.052.507	1.300.488.350.881
Tăng trong năm	-	4.210.581.200	1.380.000.000	183.910.000	-	5.774.491.200
Xóa sổ	(918.560.891)	-	-	-	-	(918.560.891)
Điều chỉnh khác	-	(366.344.018)	-	-	-	(366.344.018)
Số dư cuối năm	222.519.101.471	1.058.351.446.454	9.750.541.526	12.654.795.214	1.702.052.507	1.304.977.937.172
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	121.117.909.503	971.302.542.880	7.727.461.217	11.030.305.582	1.697.317.257	1.112.875.536.439
Khấu hao trong năm	10.278.873.307	53.291.498.577	293.711.128	442.729.829	4.735.250	64.311.548.091
Xóa sổ	(918.560.891)	-	-	-	-	(918.560.891)
Số dư cuối năm	130.478.221.919	1.024.594.041.457	8.021.172.345	11.473.035.411	1.702.052.507	1.176.268.523.639
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	102.319.752.859	83.204.666.392	643.080.309	1.440.579.632	4.735.250	187.612.814.442
Số dư cuối năm	92.040.879.552	33.757.404.997	1.729.369.181	1.181.759.803	-	128.709.413.533

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 1.020.999 triệu VND (1/1/2025: 27.873 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Giấy phép môi trường VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	380.862.152	-	380.862.152
Tăng trong năm	111.767.253	447.893.519	559.660.772
Số dư cuối năm	492.629.405	447.893.519	940.522.924
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	318.889.028	-	318.889.028
Khấu hao trong năm	38.062.632	6.398.479	44.461.111
Số dư cuối năm	356.951.660	6.398.479	363.350.139
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	61.973.124	-	61.973.124
Số dư cuối năm	135.677.745	441.495.040	577.172.785

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 304 triệu VND (1/1/2025: 304 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	241.039.091	4.041.157.990
Tăng trong năm	-	4.725.894.590
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(4.530.894.590)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(3.995.118.899)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	241.039.091	241.039.091

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nâng cấp công suất nhà máy	195.000.000	195.000.000
Khác	46.039.091	46.039.091
	<hr/>	<hr/>
	241.039.091	241.039.091

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	292.477.223	5.621.046.500	145.833.333	6.059.357.056
Tăng trong năm	406.791.990	-	1.448.577.604	1.855.369.594
Phân bổ trong năm	(287.212.577)	(2.366.106.900)	(712.094.588)	(3.365.414.065)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	412.056.636	3.254.939.600	882.316.349	4.549.312.585

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	18.582.713.731	7.134.381.466
Công ty TNHH Thịnh Đức	332.899.980	543.065.600
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	536.973.840	1.209.120.772
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	3.294.944.220
Các nhà cung cấp khác	7.135.974.288	9.005.409.862
	<hr/>	<hr/>
	26.588.561.839	21.186.921.920

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	18.582.713.731	7.134.381.466
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	738.312.156	399.108.280
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	-	813.022.520
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	-	61.398.000
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	82.793.508.147	912.978.867.427	(901.586.194.676)	-	94.186.180.898
Thuế giá trị gia tăng	9.949.496.781	179.603.465.676	(117.293.305.775)	(61.083.520.624)	11.176.136.058
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.384.907.451	10.912.322.272	(8.748.199.435)	-	6.549.030.288
Thuế thu nhập cá nhân	39.659.145	1.261.855.624	(1.255.305.631)	-	46.209.138
Thuế khác	-	803.393.352	(803.393.352)	-	-
	97.167.571.524	1.105.559.904.351	(1.029.686.398.869)	(61.083.520.624)	111.957.556.382

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	4.223.840.202	4.223.840.202
Chi phí xây dựng	-	397.108.833
Chi phí phải trả khác	1.257.874.218	968.440.486
	<hr/>	<hr/>
	5.481.714.420	5.589.389.521

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	3.499.500.000	2.559.900.000
Ký quỹ đã nhận	35.000.000	35.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	528.871.940	151.305.061
	<hr/>	<hr/>
	4.063.371.940	2.746.205.061

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	4.023.000.000	3.765.306.800
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	4.635.182.024	4.023.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	291.375.220	(529.274.173)
Sử dụng trong năm	(3.961.619.224)	(3.236.032.627)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.987.938.020	4.023.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	46.348.488.602	502.864.684.617
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.363.698.264	40.363.698.264
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(4.023.000.000)	(4.023.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 18)	-	-	529.274.173	529.274.173
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	450.000.000.000	6.516.196.015	51.718.461.039	508.234.657.054
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.254.215.068	42.254.215.068
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(4.635.182.024)	(4.635.182.024)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Thuyết minh 18)	-	-	(291.375.220)	(291.375.220)
Trích quỹ hoạt động xã hội	-	-	(239.955.824)	(239.955.824)
Điều chỉnh quỹ hoạt động xã hội năm 2024	-	-	(201.818.491)	(201.818.491)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	450.000.000.000	6.516.196.015	57.104.344.548	513.620.540.563

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

21. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 18 tháng 4 năm 2025 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 (2024: 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.297.200.718	1.599.041.000
Từ hai đến năm năm	5.188.802.872	5.406.164.000
Sau năm năm	36.645.920.284	36.241.949.250
	<hr/>	<hr/>
	43.131.923.874	43.247.154.250

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	20.943.070.000	68.591.686.360
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	7.725.500.000	455.000.000
	<hr/>	<hr/>
	28.668.570.000	69.046.686.360

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025	2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	878.379.619.453	924.284.512.272
▪ Bán phế liệu và doanh thu khác	12.075.660.235	10.745.521.284
	<hr/>	<hr/>
	890.455.279.688	935.030.033.556

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Giá vốn hàng bán**

	2025 VND	2024 VND
Bán thành phẩm	837.627.702.026	878.303.138.743
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	301.628.227	259.634.986
Giá vốn khác	397.586.069	263.600.240
	<hr/>	<hr/>
	838.326.916.322	878.826.373.969

26. Doanh thu tài chính

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	15.144.079.145	11.780.142.818

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	6.718.115.608	6.912.861.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.770.620.928	3.935.085.258
Chi phí khấu hao	499.442.957	650.585.144
Chi phí quản lý khác	3.144.193.536	3.493.177.729
	<hr/>	<hr/>
	14.132.373.029	14.991.709.389

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	689.099.764.019	726.597.612.328
Chi phí khấu hao và phân bổ	64.356.009.202	77.330.794.283
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.627.913.620	50.852.238.766
Chi phí nhân công và nhân viên	37.425.871.875	36.593.583.146
Chi phí khác	6.775.170.413	6.375.668.093

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	10.912.322.272	10.430.449.572
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(76.225.644)	(51.926.994)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.836.096.628	10.378.522.578

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.090.311.696	50.742.220.842
Thuế theo thuế suất của Công ty	10.618.062.339	10.148.444.168
Chi phí không được khấu trừ thuế	218.034.289	230.078.410
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.836.096.628	10.378.522.578

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	42.254.215.068	40.363.698.264
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(4.635.182.024)	(4.023.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	(291.375.220)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>37.619.033.044</u>	<u>36.049.323.044</u>

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại thành 801 đồng/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 808 đồng/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.791.358.486.880	1.851.152.751.020
Bán nguyên vật liệu	323.246.680	-
Bán dịch vụ	404.271.920	263.600.240
Mua dịch vụ	-	153.768.000
Mua nguyên vật liệu	637.084.132.370	679.839.585.374
Cổ tức được công bố	21.665.000.000	21.665.000.000
Cổ tức đã trả	21.665.000.000	21.665.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua dịch vụ	5.911.399.281	6.262.758.908
Bán dịch vụ	1.267.663.582	-
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua công cụ và dụng cụ	50.000.000	496.713.700
Mua nguyên vật liệu	208.730.000	158.765.000
Mua dịch vụ	398.883.334	1.603.913.000
Mua tài sản cố định	2.696.760.000	536.080.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hoá	1.389.207.520	1.211.842.350
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình		
Cổ tức được công bố	1.166.666.900	1.166.666.900
Cổ tức đã trả	1.166.666.900	1.166.666.900
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi		
Mua nguyên vật liệu	654.450.000	721.450.000
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hoá	64.162.037	98.564.512
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	32.200.000	-
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hoá	-	116.483.840



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán công cụ dụng cụ	-	47.791.670
Công ty TNHH Bất động sản Areco		
Mua dịch vụ	-	47.055.750
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hoá	-	5.738.400
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	130.000.000	130.000.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Võ Phước Giàu – Thành viên	91.000.000	19.569.892
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên	-	71.430.108
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ban Điều hành		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.199.893.814	2.580.173.935

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2025 VND	2024 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	500.000.000	4.980.933.330

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lỗi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 30, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Trần Thị Nguyệt
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

